

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 04/2021/ST-DS  
Ngày 23 - 02 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Công Hiến;

2- Ông Hoàng Kim Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2015/TLST-DS ngày 16/4/2015 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2015/QĐXXST-DS ngày 04/9/2015 và thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 01/TBTA-DS ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Kim D;

Địa chỉ: Khu phố S, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân H;

Nơi ĐKKHKT: Thôn TX 1, xã CT, huyện CL, tỉnh Quảng Trị.

Hiện công tác tại: Ngân hàng TMCP CTVN - Chi nhánh Quảng Trị. Vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Văn Thị ;

Địa chỉ: Khu phố H, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thanh T;

Địa chỉ: Khu phố M, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thanh T:* Bà Văn Thị H; Địa chỉ: Khu phố H, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2015). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2015, được sửa đổi, bổ sung ngày 25/3/2015, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Kim D (Sau đây viết tắt là: bà D) trình bày:

Ngày 02/7/2013, ông Nguyễn Xuân H; Địa chỉ: Ngân hàng TMCP CTVN- Chi nhánh Quảng Trị (Sau đây viết tắt là: ông H) có nhận tại bà D số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền đó ông H nhận giùm cho bà Văn Thị H (Sau đây viết tắt là: bà H) và bà Trần Thị Thanh T (Sau đây viết tắt là: bà T) cùng công tác tại Ngân hàng CT Quảng Trị. Sau đó, ông H và bà H đã trả cho bà D 700.000.000 đồng. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho bà D số tiền còn lại là 1.300.000.000 đồng.

\* Tại phiên hòa giải ngày 23/6/2015 và ngày 23/7/2015, bà D yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà T và bà H có trách nhiệm liên đới trả lại cho Bà số tiền 1.300.000.000 đồng, với lý do: Khoản tiền 2.000.000.000 đồng bà D giao cho ông H vào ngày 02/7/2013 là theo yêu cầu của bà T nên ông H chỉ là người nhận giùm. Tại giấy nhận tiền do ông H viết đã ghi rõ “*Nhận giùm cho chị T+H CTQT*”.

\* Tại phiên tòa, bà D trình bày: Do nhầm lẫn giữa các khoản vay nên tại phiên giải ngày 23/6/2015 và ngày 23/7/2015, Bà yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà T và bà H có trách nhiệm liên đới trả lại cho Bà số tiền 1.300.000.000 đồng. Nay bà D, xác định: Số tiền 2.000.000.000 đồng, bà D giao cho ông H vào ngày 02/7/2013 là khoản tiền bà D cho cá nhân ông H vay nên không liên quan đến bà T và bà H. Sau khi vay, ông H đã trả cho bà D 700.000.000 đồng nên Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả nợ tiền vay còn lại cho Bà với số tiền 1.300.000.000 đồng và chấm dứt tư cách tham gia tố tụng là “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*” trong vụ án đối với bà T và bà H.

**[2] Ý kiến của bị đơn:**

- Tại phiên hòa giải ngày 23/6/2015, bị đơn là ông Nguyễn Xuân H, trình bày: Ngày 02/7/2013, bà T và bà H nhờ ông H đến nhà bà D nhận khoản tiền 2.000.000.000 đồng, trước khi nhận tiền, ông H có viết giấy nhận tiền và giao cho bà D. Sau khi nhận 2.000.000.000 đồng, ông H đã nộp tại thủ quỹ Ngân hàng TMCP CT Việt Nam- Chi nhánh Quảng Trị theo sự chỉ dẫn của bà T và bà H nên Ông không có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

- Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2015, ông H, trình bày: Ngày 02/7/2013, ông H có nhận khoản tiền 2.000.000.000 đồng từ bà D, trước khi nhận tiền, ông H có viết giấy nhận tiền và giao cho bà D. Sau đó, ông H đã trả cho bà D 700.000.000 đồng, hiện còn nợ còn lại 1.300.000.000 đồng, vì chưa có điều kiện trả nên bà D đã khởi kiện ông H. Theo ông H, khoản tiền 1.300.000.000 đồng, ông H có trách nhiệm trả cho bà D nhưng Ông cần có thời gian mới trả hết nợ.

**[3] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Tại các bản trình bày ý kiến đề ngày 28/4/2015, ngày 18/5/2015 và ngày 22/02/2021 cũng như tại phiên hòa giải ngày 23/6/2015 và ngày 23/7/2015, bà Văn Thị H trình bày: Bà H không hay biết việc ông H vay tiền bà D nên Bà không liên quan đến vụ án tranh chấp giữa bà D với ông H. Bà H đề nghị Tòa án chấm

dứt tư cách tham gia tố tụng “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*” đối với Bà trong vụ án.

- Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 18/5/2015 và ngày 19/02/2021 cũng như tại phiên hòa giải ngày 23/6/2015 và ngày 23/7/2015, bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà T không liên quan đến việc ông H vay tiền bà D; Bà T đề nghị Tòa án chấm dứt tư cách tham gia tố tụng “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*” đối với Bà trong vụ án.

**[4]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

4.1. Về tố tụng:

- Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà D, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

4.2. Về nội dung vụ án:

- Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại phiên tòa, bà D yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả nợ vay còn lại với số tiền 1.300.000.000 đồng theo “*Giấy nhận tiền*” đề ngày 02/7/2013.

- Tại “*Văn bản xác nhận*” đề ngày 10/7/2015, giữa ông H, bà T và bà H, thể hiện: Giấy vay tiền ngày 02/7/2013, giữa ông H và bà D là do ông H vay của bà D, không liên quan đến bà T và bà H.

- Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2015, ông H thừa nhận đã vay của bà D 2.000.000.000 đồng theo giấy nhận tiền đề ngày 02/7/2013.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 471; khoản 1, 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấm dứt tư cách tham gia tố tụng “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*” đối với bà Văn Thị H và bà Trần Thị Thanh T.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà D với ông H trong vụ án này được phát sinh từ “*Giấy nhận tiền*” đề ngày 02/7/2013, “*Giấy nhận tiền*” được xác lập và thực hiện tại địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra, ông H đang công tác (Nơi làm việc) tại Ngân hàng TMCP CT Việt Nam- Chi nhánh Quảng Trị, có trụ sở đóng tại

thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà D là đúng thẩm quyền.

*1.2. Việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự đến lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

**[2]** Về nội dung:

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy:

- Bà D yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả nợ tiền vay còn lại cho Bà với số tiền còn lại 1.300.000.000 đồng theo “Giấy nhận tiền” đề ngày 02/7/2013.

- “Giấy nhận tiền” đề ngày 02/7/2013 (Bút lục số 03), có nội dung:

*“Đông Hà ngày 02/7/2013. Tôi tên là: Nguyễn Xuân H. Có nhận ở chị Đỗ Thị Kim D, Đ/c 56 Nguyễn Huệ ĐHà, QT. Với số tiền là. 2.000.000,00 Bằng chữ hai tỷ đồng chẵn. Nhận giùm cho chị T + H CTQT”.*

- “Văn bản xác nhận” đề ngày 10/7/2015 (bút lục số 28), có nội dung:

*“Chúng tôi gồm: Bà Trần Thị Thanh T, trú tại: Khu phố 1, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Bà Văn Thị H, trú tại: Khu phố 2, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; ông Nguyễn Xuân H, trú tại: Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị, thống nhất như sau:*

*Giấy vay tiền đề ngày đề ngày 02/7/2013, giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Đỗ Thị Kim D là do ông Nguyễn Xuân H vay của bà Đỗ Thị Kim D, không liên quan đến bà Văn Thị H và bà Trần Thị Thanh T. Vậy chúng tôi lập văn bản này để xác định rõ sự việc ”.*

- Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2015, ông H trình bày: *“Ngày 02/7/2013, ông H có nhận khoản tiền 2.000.000.000 đồng từ bà D, trước khi nhận tiền, ông H có viết giấy nhận tiền và giao cho bà D. Sau đó, ông H đã trả cho bà D 700.000.000 đồng, hiện còn nợ còn lại 1.300.000.000 đồng, vì chưa có điều kiện trả nên bà D đã khởi kiện ông H. Theo ông H, khoản tiền 1.300.000.000 đồng, ông H có trách nhiệm trả cho bà D nhưng Ông cần có thời gian mới có điều kiện trả hết nợ”.*

Từ những nội dung nêu trên, có đủ căn cứ để xác định:

Bà D và ông H đều thừa nhận “Giấy nhận tiền” đề ngày 02/7/2013 là một hợp đồng vay. Theo đó, bà D cho ông H vay 2.000.000.000 đồng, vay không thời hạn, không lãi; ông H đã nhận đủ tiền vay và đã trả nợ tiền vay cho bà D với tổng số tiền 700.000.000 đồng, hiện ông H còn nợ tiền vay của bà D với số tiền là 1.300.000.000 đồng; Việc ông H vay 2.000.000.000 đồng của bà D nêu trên

không liên quan đến bà T và bà H. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên căn cứ Điều 471; khoản 1, 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấm dứt tư cách tham gia tố tụng “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*” đối với bà H và bà T trong vụ án này.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận toàn bộ nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 4 Điều 68; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004;

- Điều 471 và khoản 1, 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQHH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim D

1. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải trả nợ vay còn lại cho bà Đỗ Thị Kim D, với số tiền: 1.300.000.000 đồng theo “Giấy nhận tiền” đề ngày 02/7/2013.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu 51.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.500.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2014/0007606 ngày 15/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

\* Quyền, nghĩa vụ thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**Trần Quốc Huy**